

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG**  
**HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TUỔI**  
**MẦM NON**  
**LỚP DẠY: ĐHMN- K3(CHÍNH QUI)**

**Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Thị Hải Yến***

**Chức danh khoa học: Thạc sỹ**

**Bộ môn: Giáo dục học mầm non**

***Năm học 2016 – 2017***

# **Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ NGÔN NGỮ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ MẦM NON**

## **(3 tiết)**

### **A. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức**

- Sinh viên nắm vững bản chất của ngôn ngữ. Hiểu được hoạt động của lời nói trong sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.
- Nắm vững vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức của trẻ.
- Nắm vững sự phát triển ngôn ngữ trẻ em lứa tuổi mầm non.

#### **2. Kỹ năng**

- Vận dụng kiến thức đã học trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ sau này.
- Nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung bài học.
- Tìm hiểu, liên hệ với thực tiễn giáo dục ở các trường mầm non.
- Vận dụng kiến thức vào quá trình thực hành tại các trường mầm non.

#### **3. Thái độ**

- Sinh viên tích cực tìm hiểu bản chất, vai trò và sự phát triển ngôn ngữ đối với trẻ em lứa tuổi mầm non.
- Tích cực học tập có thái độ nghiêm túc, tự giác, ham học hỏi và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của môn học.

### **B. Chuẩn bị**

#### **1. Giảng viên**

##### **Tài liệu chính**

[1] Đinh Hồng Thái(2013), Giáo trình *Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

##### **Tài liệu tham khảo**

[2] Lê Thu Hương (2007), *Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp*, Nxb giáo dục, Hà Nội.

[3] Nguyễn Xuân Khoa (2004), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

[4] Đinh Hồng Thái (2006), Giáo trình *Phương pháp phát triển lời nói trẻ em*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội .

[5] Đinh Hồng Thái- Trần Thị Mai (2011), Giáo trình *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## 2. Người học

- Tài liệu chính và tài liệu tham khảo.
- Bút, vở.
- Đọc trước chương 1 (tài liệu chính).

## C. Nội dung

### I. Bản chất của ngôn ngữ

#### 1. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt

##### 1.1. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội

- Ngôn ngữ là một thứ sản phẩm độc quyền của con người. Nó chỉ được hình thành tồn tại và phát triển trong xã hội loài người, do ý muốn và nhu cầu của con người. Bên ngoài xã hội loài người, ngôn ngữ không thể phát sinh.

- Ngôn ngữ là sản phẩm của tập thể, nó tồn tại và phát triển gắn liền với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội cũng vì nó phục vụ xã hội với tư cách là phương tiện giao tiếp, nó góp phần thể hiện ý thức xã hội, đặc biệt là ý thức xã hội của một cộng đồng người; Mỗi tập thể khác nhau có một phong tục, tập quán, một cách thức cộng cư khác nhau, và theo đó các từ ngữ để gọi tên các khái niệm tương ứng cũng khác nhau. Thoát khỏi tập thể ấy, những từ ngữ ấy sẽ không được sử dụng và thậm chí không còn tồn tại nữa.

- Ngôn ngữ ra đời và tồn tại cùng với sự hình thành và phát triển của xã hội loài người cũng là để phục vụ cho cuộc sống con người trong mọi lĩnh vực: lao động, sản xuất, đấu tranh xã hội, nghệ thuật, giải trí...

##### 1.2. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt

- Ngôn ngữ là một hiện tượng không thuộc về cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Không thuộc về cơ sở hạ tầng vì ngôn ngữ không phải là của cải vật chất của xã hội, không phải là công cụ mang tính vật thể để tạo ra của cải vật chất cho xã hội, nhưng nó lại là công cụ giao tiếp và tư duy để duy trì và phản ánh mọi hoạt động của con người. Không thuộc về kiến trúc thượng tầng vì ngôn ngữ không giống các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng khác. Khi cơ sở hạ tầng thay đổi thì những yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng sẽ thay đổi theo, nhưng ngôn ngữ lại không biến đổi.

- Ngôn ngữ không có tính giai cấp. Lịch sử hình thành và phát triển ngôn ngữ đã khẳng định chủ nhân của ngôn ngữ chính là quần chúng nhân dân. Vì thế nó đã ra đời là để phục vụ toàn thể nhân dân, toàn thể xã hội, không phân biệt địa vị, đẳng cấp, tôn giáo, đảng phái. Như vậy nó ứng xử bình đẳng đối với tất cả mọi người trong xã hội và không bị biến đổi bởi bất cứ mọi cuộc cách mạng chính trị xã hội nào.

- Rõ ràng ngôn ngữ không thuộc cơ sở hạ tầng và không thuộc kiến trúc thượng tầng; nó phát triển hay biến mất không phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng, không giống với kiến trúc thượng tầng mà theo quy luật riêng của nó. Do đó, ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt.

#### 2. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt

### **2.1. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu**

- Ngôn ngữ là một hệ thống bởi vì nó cũng bao gồm các yếu tố (đơn vị; âm vị, hình vị, từ, câu và các đơn vị trên câu) và các quan hệ giữa những yếu tố đó (quan hệ tuyến tính - ngang và quan hệ liên tưởng - dọc). Ta hiểu khái niệm "tín hiệu" là một sự vật (hoặc một thuộc tính vật chất, một hiện tượng) kích thích vào giác quan của con người, làm cho con người tri giác được và lí giải, suy diễn tới một cái gì đó ngoài sự vật đó (đại diện cho một cái gì đó không phải là chính nó).

- Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu vì ngôn ngữ được cảm nhận bằng giác quan hay nói cách khác ngôn ngữ có tính vật chất. Âm thanh chính là hình thức vật chất của ngôn ngữ. Ngôn ngữ đã gọi ra và đại diện cho cái khác với chính nó, ngôn ngữ bao giờ cũng chứa đựng một nội dung, một ý nghĩa nhất định.

- Các tín hiệu ngôn ngữ chỉ có giá trị khi nằm trong hệ thống, trong mối quan hệ với yếu tố khác của hệ thống. Tách ra khỏi hệ thống, các tín hiệu ngôn ngữ sẽ mất hết giá trị của mình. Các tín hiệu ngôn ngữ của bất cứ dân tộc nào cũng thuộc một hệ thống nhất định. Các từ đều thuộc hệ thống từ vựng, các quy tắc ngữ pháp hợp lại thành một hệ thống ngữ pháp. Chúng chi phối, quy định nhau và làm nên giá trị cho từng tín hiệu. Mỗi ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu khác nhau. Và các tín hiệu ấy chỉ có giá trị trong một hệ thống ngôn ngữ nhất định. Thoát khỏi hệ thống, các từ ngữ trở nên vô nghĩa.

### **2.2. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt**

- Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu phức tạp, bao gồm các yếu tố đồng loại và không đồng loại, với số lượng không xác định.

- Ngôn ngữ là tín hiệu của những tín hiệu. Ta có thể sử dụng ngôn ngữ để giải thích các tín hiệu phi ngôn ngữ (thuyết minh cho tranh ảnh, âm nhạc...).

- Tín hiệu ngôn ngữ còn có tính độc lập tương đối. Các hệ thống tín hiệu nhân tạo khác thường được sáng tạo theo sự thỏa thuận giữa một số cá nhân, do đó hoàn toàn có thể thay đổi theo ý muốn con người.

- Ngôn ngữ vừa có giá trị đồng đại vừa có giá trị lịch sử. Các hệ thống tín hiệu khác chỉ có giá trị đồng đại, tức là chỉ phục vụ một nhu cầu nào đó của con người trong một giai đoạn nhất định. Trong khi đó bất cứ sản phẩm ngôn ngữ nào cũng là của quá khứ để lại, do đó không chỉ có những người cùng thời mới có thể giao tiếp được với nhau mà ở thời đại khác nhau con người vẫn có thể giao tiếp được.

- Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu có khả năng sản sinh rất lớn. Từ số lượng hạn chế những đơn vị cơ bản, ngôn ngữ có thể tạo ra vô hạn những lời nói trong xã hội. Khả năng này không một hệ thống tín hiệu nào có thể so sánh được.

## **3. Chức năng của ngôn ngữ**

### **3.1. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất của con người**

- Giao tiếp là sự truyền đạt thông tin từ người này đến người khác với một mục đích nhất định nào đó. Khi giao tiếp, người ta trao đổi tư tưởng tình cảm, trí tuệ, hiểu biết... với nhau và tác động đến nhau về mặt nhận thức, tình cảm và hành động. Giao tiếp được thực hiện nhờ một công cụ tốt nhất là ngôn ngữ.

- Giao tiếp là nhu cầu có tính bản năng của sinh vật bậc cao và là nhu cầu đặc biệt thiết yếu với con người. Đặc điểm của hoạt động giao tiếp là bao giờ cũng

xảy ra trong một hoàn cảnh nhất định, với những phương tiện nhất định và nhằm tới một mục tiêu nhất định.

- Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp còn thể hiện ở chỗ ngôn ngữ giúp con người có thể tàng trữ những kinh nghiệm sản xuất để truyền từ đời này sang đời khác. Ngôn ngữ giúp trao đổi tư tưởng, tình cảm, xác lập các mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng xã hội. Ngôn ngữ là công cụ giúp cho con người giao tiếp, trao đổi và đi đến hiểu biết lẫn nhau. Cho nên nếu không có một thứ ngôn ngữ chung cho cả cộng đồng dùng để giao tiếp, để thắt chặt các mối quan hệ thì xã hội cũng không thể tồn tại được. Với ý nghĩa này, ngôn ngữ là một công cụ để giao tiếp thì đồng thời cũng là một công cụ đấu tranh phát triển xã hội.

### **3.2. Ngôn ngữ là phương tiện tư duy của con người.**

- Tư duy là giai đoạn nhận thức lí tính, nhận thức gián tiếp, khái quát. Khả năng phản ánh thực tế dưới dạng khái niệm, phán đoán và kết luận tức là kết quả của quá trình suy nghĩ, tư duy. Quá trình nhận thức có hai giai đoạn: giai đoạn nhận thức cảm tính và giai đoạn nhận thức lí tính. Ngoài ra, tư duy còn được hiểu là bản thân quá trình suy nghĩ, phản ánh cuộc sống dưới dạng tư tưởng, là quá trình hình thành tư tưởng.

- Mối quan hệ giữa tư duy và ngôn ngữ. Ngôn ngữ và tư duy cùng xuất hiện một lúc. Ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư duy và chỉ có con người - động vật cao cấp mới có tư duy. Không có ngôn ngữ thì không có tư duy. Nói cách khác, chúng ta không thể tư duy nếu không có ngôn ngữ.

- Chức năng giao tiếp của ngôn ngữ gắn liền với chức năng thể hiện tư duy của ngôn ngữ. Ngôn ngữ không phải là các tổ hợp âm thanh đơn thuần, mà thực chất là nơi tàng trữ những kinh nghiệm của loài người. Chức năng tư duy của ngôn ngữ là độc lập với chức năng giao tiếp bởi vì, ngôn ngữ không phải chỉ cần đến khi chúng ta nói năng giao tiếp, mà cần đến ngay cả khi chúng ta suy nghĩ thầm lặng, khi độc thoại nội tâm.

- Ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư tưởng. Ngôn ngữ trực tiếp tham gia vào quá trình hình thành tư tưởng: một ý nghĩ, tư tưởng chỉ rõ ràng khi được biểu hiện bằng ngôn ngữ. Quá trình đi tìm từ, câu cần thiết để nói cũng là quá trình làm cho ý nghĩ, khái niệm trở nên rõ ràng và có thể hiểu được. Chừng nào chưa được biểu hiện bằng ngôn ngữ, thì ý nghĩ còn chưa rõ ràng và mơ hồ.

- Ngôn ngữ không chỉ tồn tại ở dạng tiếng nói mà còn tồn tại ở dạng biểu tượng âm thanh trong óc, dạng chữ viết trên giấy. Khi nghe, biểu tượng âm thanh xuất hiện. Khi nói, biểu tượng chuyển động phát âm xuất hiện. Khi nhìn, biểu tượng thị giác về từ xuất hiện. Chức năng tư duy của ngôn ngữ không chỉ xuất hiện khi ngôn ngữ được phát thành lời, mà cả khi im lặng suy nghĩ hoặc viết ra giấy.

- Như vậy, ngôn ngữ là công cụ của tư duy, là chỗ dựa để suy nghĩ và ghi lại kết quả suy nghĩ của con người. Ngôn ngữ và tư duy thống nhất với nhau, không có ngôn ngữ thì không có tư duy và ngược lại không có tư duy thì ngôn ngữ chỉ là vô âm thanh trống rỗng, thực chất là không có ngôn ngữ.

- Hai chức năng giao tiếp và tư duy được thực hiện không tách rời nhau mà gắn bó chặt chẽ với nhau: khi tư duy, hoạt động giao tiếp vẫn diễn ra không ngừng và ngược lại khi giao tiếp, hoạt động tư duy vẫn diễn ra liên tục (để kiểm tra, điều chỉnh thông tin).

- Ngôn ngữ và tư duy có những điểm khác biệt. Ngôn ngữ là vật chất còn tư duy là tinh thần. Đơn vị của tư duy (khái niệm, phán đoán, suy lí...) không đồng nhất với đơn vị của ngôn ngữ (âm vị, hình vị, câu...). Tư duy có tính nhân loại còn ngôn ngữ có tính dân tộc. Tóm lại ngôn ngữ và tư duy là thống nhất nhưng không đồng nhất. Chức năng của ngôn ngữ đối với tư duy là ngôn ngữ thể hiện tư tưởng và trực tiếp tham gia vào việc hình thành tư tưởng.

## II. Hoạt động lời nói

### 1. Hoạt động lời nói là gì?

- Lời nói không chỉ là phần âm thanh nghe được, phần âm thanh này chỉ là kết quả của một quá trình hoạt động có sử dụng ngôn ngữ để thực hiện một mục đích nào đó của con người. Quá trình này được gọi là hoạt động lời nói.

- Hoạt động lời nói là quá trình con người sử dụng ngôn ngữ để truyền đạt và tiếp nhận kinh nghiệm xã hội, lịch sử hay để thiết lập sự giao tiếp hoặc để lập kế hoạch (chương trình) hành động.

- Hoạt động lời nói khi thực hiện mục đích giao tiếp hay khi tư duy về thực chất là một quá trình hình thành và thể hiện ý nghĩ nhờ ngôn ngữ. Do đó, hoạt động lời nói còn được hiểu là một quá trình hình thành và thể hiện ý nghĩ nhờ ngôn ngữ.

- Hoạt động lời nói là một loại hoạt động của con người, nó cũng có đầy đủ các đặc trưng của hoạt động, có mục đích có nhu cầu, động cơ, có các hành động bộ phận hợp thành.

- Hoạt động lời nói là một quá trình con người sử dụng ngôn ngữ để thực hiện một mục đích cụ thể nào đó nên có tính chất cá nhân riêng biệt ở từng người. Tuy vậy, nó có quan hệ chặt chẽ với ngôn ngữ, với tính chất xã hội, tính chất chung của ngôn ngữ. Có thể nói quan hệ của ngôn ngữ và lời nói quan hệ của cái chung và cái riêng.

### 2. So sánh ngôn ngữ và lời nói

F.de. Saussure đã phân biệt lời nói và ngôn ngữ như sau:

STT	Ngôn ngữ (cái chung)	Lời nói (cái riêng)
1	Là sản phẩm chung của cộng đồng, tính xã hội	Là sản phẩm của từng cá nhân, tính cá nhân
2	Tính khái quát cao	Tính cụ thể
3	Có tính ổn định lâu dài	Tính nhất thời, luôn thay đổi
4	Dạng tiềm năng	Dạng hiện thực, dạng kết quả

Ví dụ: Cho tập hợp một số từ (mẹ/đi/chợ/về/chưa) cùng với các dấu câu, kiểu câu (các quy tắc tạo câu) tiếng Việt có thể tạo ra một số câu khác nhau như:

- Mẹ đi chợ về chưa?
- Mẹ chưa đi chợ về
- Chợ, mẹ chưa đi về
- Mẹ đi chợ chưa về

- Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội, là sản phẩm của nhiều thế hệ, nhiều thời đại. Ngôn ngữ có tính khái quát cao, là bộ mã chung cho cả cộng đồng, tồn tại trong bộ óc của mỗi người cùng nói chung là một thứ tiếng, dưới dạng tiềm năng. Ngôn ngữ

có tính chất ổn định trong một thời gian tương đối lâu dài. Mỗi cá nhân không thể tùy tiện sáng tạo và thay đổi được ngôn ngữ. Ngôn ngữ chỉ được thể hiện ra trong lời nói và bằng lời nói. Lời nói là sản phẩm của từng cá nhân riêng biệt nên mang tính cụ thể, nhất thời và luôn luôn thay đổi. Lời nói là phương diện tồn tại của ngôn ngữ.

Lời nói là cần thiết để cho ngôn ngữ có thể hiểu được và gây được tất cả hiệu quả của nó. Lời nói không cần thiết để ngôn ngữ được xác lập mà còn cần thiết để ngôn ngữ biến hóa và phát triển.

### **3. Các loại hoạt động lời nói**

#### **3.1. Lời nói bên ngoài**

- Là lời nói tồn tại dưới dạng âm thanh và chữ viết. Thực chất của lời nói bên ngoài là những quá trình sản sinh lời nói để khái quát hóa hiện thực và để giao tiếp với người khác.

a. *Lời nói đối thoại* là lời nói giữa hai hay một số người với nhau, trong đó, khi người này nói thì người kia nghe và ngược lại. Bao giờ nó cũng gắn với tình huống hay ngữ cảnh giao tiếp xác định.

Lời nói đối thoại có ba tính chất dưới đây:

- Tính chất rút gọn: Do người nói và người nghe đều có mặt trong tình huống giao tiếp cụ thể nên có những nội dung có thể thể hiện bằng các phương tiện phi ngôn ngữ như: cử chỉ, nét mặt, điệu bộ...

- Tính bị động: người đối thoại bị chi phối bởi người cùng đối thoại nên thường bị động,

- Rất ít có tính tổ chức: những lời đối đáp trong lời nói đối thoại thường không được lập chương trình một cách chặt chẽ. Trường hợp có cấu trúc phát ngôn thì cấu trúc đó hết sức đơn giản. Mỗi lời nói đối thoại dường như bật ra do phản ứng với phát ngôn ở trước đó. Do vậy, nó gắn chặt với các tình huống và ngữ cảnh quen thuộc.

b. *Lời nói độc thoại* là lời nói của một người; những người khác là người đọc hoặc người nghe. Đây là lời nói một chiều; nó không bị những chi phối tức thời của người nghe, không lệ thuộc vào tình huống, ngữ cảnh trực tiếp. Nó có các đặc điểm nổi bật dưới đây:

- Tính triển khai mạnh: trong lời nói độc thoại, do rất ít sử dụng các thông tin phi ngôn ngữ, để người nghe hoặc người đọc hiểu được cần phải nhắc đến, gọi ra hay miêu tả đối tượng được nói đến.

- Tính chủ ý và chủ động rõ ràng: lời nói độc thoại phải xác định rõ nội dung truyền đạt và phải biết xây dựng nội dung đó một cách có chủ ý; phải biết thể hiện nó theo một trình tự xác định, một cách chủ động.

- Tính tổ chức cao: để có lời nói độc thoại, người nói phải lập chương trình, kế hoạch không phải chỉ cho từng câu, từng phát ngôn riêng lẻ mà cho toàn bộ lời độc thoại.

Như vậy, trong so sánh với lời nói đối thoại thì lời nói độc thoại có những yêu cầu cao hơn, những đòi hỏi nghiêm ngặt mang tính chuẩn mực hơn.

c. *Lời nói viết* là lời nói hướng vào người khác, được biểu hiện bằng kí hiệu chữ viết và được tiếp nhận bằng cơ quan phân tích thị giác. Đây là một dạng của

lời nói độc thoại nhưng nó có một mức độ phát triển cao hơn rất nhiều, biểu hiện ở những đặc điểm sau đây:

- Tính khai triển rất mạnh vì lời nói viết không có liên hệ ngược trực tiếp với nhân vật giao tiếp. Ở đây không có sự tham gia của các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ)...

- Tính có chủ ý, chủ động và có tổ chức rất chặt chẽ. Người viết viết ra điều gì cho ai đó thì thường là người đó vắng mặt. Vì thế, người viết không thấy được phản ứng của người đọc; phải tự mình hình dung ra được phản ứng đó mà cân nhắc thật kỹ để viết ra những gì phù hợp, có lợi cho việc thực hiện mục đích giao tiếp.

- Tính chuẩn mực về phương diện ngôn ngữ. Ngôn ngữ viết yêu cầu cao về phương diện chuẩn mực ngôn ngữ. Việc dùng từ, các mẫu câu phải chính xác; không có sự dư thừa; không sử dụng nhiều các từ tình thái; không sử dụng các loại câu rút gọn, câu đặc biệt.

### **3.2. Lời nói bên trong**

- Lời nói bên trong là một loại hoạt động lời nói đặc biệt, diễn ra ở trong đầu, không còn tính vật chất (âm thanh), đúng hơn là có rất ít tính vật chất. Lời nói bên trong chỉ là hình ảnh âm thanh, là biểu tượng về âm thanh hay con chữ.

Lời nói bên trong có ba đặc điểm nổi bật sau đây:

- Có tính rút gọn cao: thường chỉ là từng mẫu, rời rạc...Thí dụ cả câu, cả đoạn văn...được cô đọng lại chỉ còn một từ (chủ ngữ, vị ngữ...)

- Có tính vị thế, tức chỉ toàn vị ngữ

- Có tính ngữ nghĩa là ý và phụ thuộc mạnh vào tình huống (giống như ở lời nói đối thoại)

## **III. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức**

### **1. Ngôn ngữ với nhận thức cảm tính**

#### **1.1. Đối với cảm giác**

Ngôn ngữ ảnh hưởng mạnh đến ngưỡng nhạy cảm của cảm giác, làm cho cảm giác được thu nhận rõ ràng, đậm nét hơn. Thí dụ, nghe những người khác suýt xoa "trời lạnh quá" ta dễ cảm thấy lạnh hơn. Khi cảm nhận các thuộc tính của sự vật, hiện tượng ở xung quanh (màu sắc, âm thanh, mùi vị...) ta thường "gọi thầm" tên các thuộc tính ở đó trong đầu, điều này làm cho cảm giác của ta về thuộc tính ấy mạnh hơn, chính xác hơn.

#### **1.2. Đối với tri giác**

- Ngôn ngữ làm cho quá trình tri giác diễn ra dễ dàng, nhanh chóng hơn và làm cho những cái tri giác trở thành khách quan, đầy đủ và rõ ràng hơn.

- Ngôn ngữ đối với quá trình quan sát càng cần thiết hơn, vì quan sát là tri giác tích cực, có chủ định và có mục đích (tức có ý thức). Tính có ý thức, có mục đích, có chủ định đó được biểu đạt và điều khiển, điều chỉnh chính nhờ ngôn ngữ.

#### **1.3. Đối với trí nhớ**

- Ngôn ngữ có ảnh hưởng quan trọng đối với trí nhớ của con người. Nó tham gia tích cực vào các quá trình ghi nhớ, gắn chặt với các quá trình đó.

- Không có ngôn ngữ thì không thể thực hiện sự ghi nhớ có chủ định, sự ghi nhớ có ý nghĩa và kể cả sự ghi nhớ máy móc (học thuộc lòng). Ngôn ngữ là một phương tiện để ghi nhớ, là một hình thức để lưu giữ những kết quả cần nhớ.



## 2. Ngôn ngữ với nhận thức lý tính

### 2.1. Đối với tư duy

- Ngôn ngữ liên quan chặt chẽ với tư duy con người, thể hiện ở chỗ tư duy dùng ngôn ngữ làm phương tiện, công cụ cho mình, chính nhờ điều này mà tư duy của con người khác về chất so với tư duy của con vật; con người có tư duy trừu tượng.

- Lời nói bên trong là công cụ quan trọng của tư duy, đặc biệt khi giải quyết các nhiệm vụ khó khăn, phức tạp. Lúc này lời nói bên trong có xu hướng chuyển từ bộ phận thành lời nói thầm (khi nghĩ người ta hay nói lầm nhảm là vì thế).

### 2.2. Đối với tưởng tượng

- Ngôn ngữ cũng giữ một vai trò to lớn trong tưởng tượng. Nó là phương tiện để hình thành biểu đạt và duy trì các hình ảnh mới của tưởng tượng. Ngôn ngữ giúp ta làm chính xác hóa các hình ảnh của tưởng tượng đang nảy sinh, tách ra trong chúng những mặt cơ bản nhất, gài chúng lại với nhau, cố định chúng lại bằng từ và lưu giữ chúng trong trí nhớ. Ngôn ngữ làm cho tưởng tượng trở thành một quá trình ý thức, được điều khiển tích cực, có kết quả và chất lượng cao.

## IV. Sự phát triển ngôn ngữ trẻ em

### 1. Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển trẻ em

#### 1.1. Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp

Bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội (C.Mác). Con người muốn tồn tại thì phải gắn bó với cộng đồng. Giao tiếp là một đặc trưng quan trọng của người. "Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp trọng nhất của con người" (V.I.Lênin). Nhờ có ngôn ngữ mà con người có thể hiểu được nhau, cùng nhau hành động vì những mục đích chung: lao động, đấu tranh, xây dựng và phát triển xã hội.

#### 1.2. Ngôn ngữ là một công cụ để phát triển tư duy, nhận thức

- Quá trình trưởng thành của đứa trẻ bên cạnh thể chất là trí tuệ. Công cụ để phát triển tư duy, trí tuệ chính là ngôn ngữ. **Ngôn ngữ chính là hiện thực (sự hiện hữu) của tư duy.** Tư duy của con người có thể hoạt động được (nhất là tư duy trừu tượng) cũng chính là nhờ có phương tiện ngôn ngữ.

- Phát triển ngôn ngữ cho trẻ không chỉ có mục đích tự thân. Có ngôn ngữ, tư duy của trẻ được phát triển. Ngôn ngữ phát triển làm cho tư duy phát triển. Ngược lại, tư duy phát triển càng đẩy nhanh sự phát triển của ngôn ngữ. Mối quan hệ đó có thể sơ đồ hóa như sau:

Tư duy <-> ngôn ngữ

- **Ngôn ngữ là công cụ để trẻ học tập, vui chơi - những hoạt động chủ yếu của trường mầm non.** Ngôn ngữ được tích hợp trong tất cả các loại hình hoạt động giáo dục, ở mọi nơi, mọi lúc. Như vậy, ngôn ngữ cần cho tất cả các hoạt động và ngược lại, mọi hoạt động tạo cơ hội cho ngôn ngữ trẻ phát triển.

#### 1.3. Ngôn ngữ là phương tiện để giáo dục trẻ một cách toàn diện

- Sự phát triển toàn diện của đứa trẻ bao gồm cả sự phát triển về đạo đức, chuẩn mực hành vi văn hóa. Ngôn ngữ phát triển sẽ **giúp cho trẻ mở rộng giao tiếp.** Điều này làm cho trẻ có điều kiện học hỏi những gì tốt đẹp xung quanh trẻ.

- Ngôn ngữ phát triển giúp trẻ sớm tiếp thu những giá trị thẩm mỹ trong thơ ca, truyện kể - những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ đầu tiên người lớn có thể đem đến cho trẻ. Đó là sự tác động của lời nói nghệ thuật như một phương tiện hữu hiệu giáo dục thẩm mỹ cho trẻ.

#### **1.4. Ý nghĩa của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ sơ sinh đến 6 tuổi**

Giai đoạn từ sơ sinh đến 6 tuổi, nhất là từ 3 đến 6 tuổi, là giai đoạn siêu tốc phát triển ngôn ngữ. Thành tựu phát triển tối ưu nhất thiết đòi hỏi phải có sự giáo dục ngôn ngữ kịp thời, đúng lúc. Đến 6 tuổi về cơ bản trẻ đã phát âm chính xác tất cả các âm vị, thanh điệu của tiếng mẹ đẻ. Trẻ đã nói năng tương đối lưu loát, biểu cảm. Về mặt ngữ pháp, hầu hết các mẫu câu tiếng Việt trẻ cũng đã sử dụng vào lúc 6 tuổi. Sự thực là những giờ học ngôn ngữ đầu tiên đối với mỗi con người là ngay từ khi lọt lòng mẹ. Trường mầm non là trường học đầu tiên có điều kiện, có cơ hội lớn hơn để giáo dục ngôn ngữ cho trẻ. Có thể khẳng định rằng: Học tiếng mẹ đẻ là sự học tập quan trọng nhất, cần thiết nhất, bắt đầu sớm nhất và cần được quan tâm nhất.

### **2. Một số quan điểm về sự phát triển của ngôn ngữ trẻ em**

#### **2.1. Lí thuyết hành vi chủ nghĩa**

O.F.Skinner trong tác phẩm Hành vi bằng lời cho rằng ngôn ngữ của trẻ được hình thành cũng như mọi hành vi khác do thao tác quyết định. Ở đây sự bắt chước là rất quan trọng. Những thao tác ngôn ngữ cùng với sự giúp đỡ của người lớn sẽ cho trẻ nhanh chóng trưởng thành về ngôn ngữ. Lí thuyết này nhìn về hình thức có vẻ đúng. Nhưng điều không chính xác là nó không chỉ ra được mối liên hệ của ngôn ngữ và tư duy. Sự trưởng thành của ngôn ngữ là sự trưởng thành của tư duy.

#### **2.2. Lí thuyết tự nhiên chủ nghĩa**

- Noam Chomski (1957) trong tác phẩm Cấu trúc ngữ nghĩa đã phân tích có phê phán lí thuyết hành vi chủ nghĩa của Skinner. Ông cho rằng trẻ em đóng vai trò chính và là nhân tố chính trong sự phát triển ngôn ngữ của mình. Ông coi ngôn ngữ có cơ sở sinh học của nó. Thành tựu chỉ có của con người. Con người có cơ quan sinh sản ngôn ngữ trong não bộ. Chỉ cần có sự tác động thêm từ phía bên ngoài (môi trường nói năng) là ngôn ngữ có cơ hội xuất hiện.

- Chomski cho rằng kiến thức ngữ pháp của trẻ có từ lúc nó mới sinh. Trẻ có kho chứa ngữ pháp hóa toàn cầu. Chỉ cần nó sử dụng đúng lúc là có thể giải mã được tiếng mẹ đẻ của nó. Những giả định này của N.Chomski không có tính thuyết phục. Các quy luật về ngữ pháp không thể là có sẵn. Càng không thể có cái gọi là khi ngữ pháp toàn cầu.

#### **2.3. J.Piaget và L.S.Vygotski với lí thuyết về sự phát triển của ngôn ngữ và nhận thức**

- J.Piaget là một nhà tâm lí học nổi tiếng của Thụy Sĩ. Trong tác phẩm ngôn ngữ và tư duy của trẻ ông cho rằng ngôn ngữ không quan trọng lắm đối với sự phát triển của tư duy. Theo ông, tư duy phát triển là nhờ có việc trẻ hành động trực tiếp với các vật thể vật chất, phát ra những thiếu sót trong tư duy hiện có, luyện tập để sáng tạo ra phương thức tư duy phù hợp với hiện thực.

Quan điểm của Piaget có ảnh hưởng to lớn đến giáo dục mẫu giáo và tiểu học thông qua ba điểm sau đây:

- Chú trọng cho trẻ hoạt động tìm tòi: trẻ em được động viên tự tìm tòi phát hiện qua sự tác động ngẫu nhiên. Thay vì cung cấp cho trẻ kiến thức sẵn có bằng lời, người ta đưa ra một loạt các hoạt động thiết kế nhằm kích thích cho trẻ khám phá, phát hiện, tìm tòi và cho phép trẻ tự do lựa chọn các hoạt động này.

- Nhận thức rõ sự sẵn sàng học tập của trẻ. Người ta không cố gắng thúc đẩy sự phát triển của trẻ em. Nội dung học tập được xác định trên mức độ phát triển của trẻ.

- Công nhận sự khác biệt cá thể. Lí thuyết của Piaget cho rằng tất cả trẻ em đều trải qua trình tự phát triển như nhau nhưng trẻ em phát triển với những tốc độ khác nhau. Vì thế, giáo viên phải nỗ lực tổ chức hoạt động cho từng trẻ, hoặc nhóm không phải theo cả lớp.

- L.X. Vugôtxki là nhà tâm lí học nổi tiếng người Nga cùng thời với Piaget Vugôtxki phản đối mạnh mẽ Piaget khi ông cho rằng ngôn ngữ có vai trò to lớn đối với sự phát triển tư duy cho trẻ. Trẻ tự nói với chính mình tức là trẻ tự điều khiển, điều chỉnh hành vi. Tiếp thu quan điểm của Vugôtxki, người ta chỉ ra hai đặc điểm quan trọng của quá trình trẻ hoạt động với người lớn:

- Tính liên chủ thể: hai người tham gia vào cùng một nhiệm vụ từ khác biệt đến thống nhất. Liên chủ thể tạo ra cơ sở chung cho giao tiếp khi từng cá thể tự điều chỉnh để phù hợp với quan điểm của bạn giao tiếp. Người lớn cố gắng thúc đẩy tính liên chủ thể khi diễn đạt hiểu biết của mình trong cách thức để hiểu vấn đề của trẻ. Khi trẻ cố gắng lĩnh hội sự giảng giải tức là nó đã bước thêm một bước về nhận thức.

- Phương pháp bắc giàn hay còn gọi là phương pháp thích ứng: người lớn thay đổi sự hỗ trợ của mình để phù hợp với mức độ phát triển hiện có của trẻ.

Giáo dục theo trường phái Vugôtxki tiến xa hơn giáo dục dựa vào sự tự phát hiện của Piaget. Giáo viên hướng dẫn hoạt động học tập của trẻ bằng sự giảng giải, hướng dẫn, điều chỉnh cho phù hợp với "vùng phát triển gần nhất" của từng trẻ. Điều này còn xảy ra khi trẻ phối hợp hoạt động với bạn, nhóm bạn, chúng giúp đỡ lẫn nhau cùng học tập. Đối với trẻ nhỏ, Vugôtxki chỉ dẫn phải tạo ra nhiều cơ hội, hoạt động để phát triển tác động qua lại giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với người lớn.

#### ***2.4. Phùng Đức Toàn với phương án 0 tuổi - một quan điểm dạy chữ sớm cho trẻ.***

Quan điểm căn bản của ông là cần phải phát hiện và bồi dưỡng sớm cho trẻ khả năng học tập, tiếp thu kiến thức trong đó có ngôn ngữ. Ông đã đề xuất những cách thức dạy chữ cho trẻ từ rất sớm. Trẻ tiếp xúc với chữ viết cùng như tiếp xúc với người và các loại đồ vật, một sự tiếp nhận thị giác (ngôn ngữ thị giác). Như vậy, trẻ có thể biết chữ ngay cả khi chưa biết nói, nghĩa là từ rất sớm. Tuổi sơ sinh còn được coi là lí tưởng để dạy chữ theo quan điểm của ông. Những kết quả mà ông đã đạt được là hết sức khả quan. Mặc dù quan điểm của ông còn mới lạ, có những điểm trái ngược với quan điểm dạy ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non hiện nay nhưng kết quả nghiên cứu của ông đã cho chúng ta những suy nghĩ mới, những bài học mới trong giáo dục ngôn ngữ cho trẻ.

#### ***3. Ngôn ngữ tuổi mầm non là gì?***

**3.1. Trong cuốn sách *Phát triển ngôn ngữ trẻ thơ*** Một chuyên gia trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ trẻ em của Hoa Kỳ đã nhìn nhận ngôn ngữ trẻ em là một sự biểu hiện tích hợp của các thành tố ngôn ngữ; ngữ âm, nghĩa của các từ và cấu tạo từ, ngữ pháp và ngữ dụng. Đã chỉ ra ba cấp độ của việc phát triển ngôn ngữ của trẻ là:

- Cấp độ 1: biết nói.
- Cấp độ 2: biết nói một cách có hiểu biết.
- Cấp độ 3: bày tỏ bằng lời nói một cách có hiểu biết.

- Về mặt cấu trúc, ngôn ngữ được tạo bởi các đơn vị ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng. Về mặt chức năng, ngôn ngữ thể hiện trong đơn vị giao tiếp. Như vậy, phát triển ngôn ngữ cho trẻ là phát triển từng mặt các đơn vị ngôn ngữ nhưng lại phải đạt đến sự tích hợp các thành tố đó trong một đơn vị giao tiếp chức năng là ngôn bản.

- Nói đến ngôn ngữ của tuổi mầm non, chúng ta không thể không nhắc đến ngôn ngữ viết, bao gồm khả năng tiền đọc - viết của trẻ. Tuổi mầm non chưa đọc - viết được và điều này cũng chưa đặt ra cho các cháu. Tuy nhiên, chuẩn bị cho trẻ học đọc - viết, trở thành người "biết chữ" trong tương lai rất quan trọng. Những dấu hiệu ban đầu của khả năng đọc - viết của trẻ đã hình thành từ rất sớm (nhiều nhà nghiên cứu gọi là khả năng tiền đọc - viết), nó cần được nâng đỡ, phát triển trong tuổi mầm non. Như vậy, trong nội hàm ngôn ngữ trẻ sẽ bao gồm cả khả năng tiền đọc - viết của trẻ.

### **3.2. Hai giai đoạn phát triển ngôn ngữ trẻ em**

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ là một quá trình từ thấp đến cao với các giai đoạn mang những đặc trưng khác nhau tùy thuộc vào độ tuổi của trẻ, ở mỗi giai đoạn có sự kế thừa và phát triển những thành tựu của giai đoạn trước.

Các nhà ngôn ngữ học đều thống nhất với nhau chia hai giai đoạn: giai đoạn tiền ngôn ngữ và giai đoạn ngôn ngữ chính thức.

- Giai đoạn tiền ngôn ngữ: đây là giai đoạn đầu tiên của quá trình học nói của đứa trẻ. Mặc dù trẻ chưa có các từ, chưa hiểu cách sử dụng các quy tắc ngữ pháp nhưng trẻ đã bắt đầu bước vào giao tiếp. Giai đoạn giao lưu cảm xúc chiếm vai trò chủ đạo. Đứa trẻ sử dụng các âm bập bẹ, các cử chỉ, thái độ để giao tiếp với người lớn.

- Giai đoạn ngôn ngữ: bắt đầu từ 12 tháng trở đi sẽ xuất hiện những âm bập bẹ có nghĩa đầu tiên và ngay lập tức trẻ huy động chúng vào giao tiếp với người lớn. Các âm bập bẹ nhanh chóng mất đi nhường chỗ cho các từ tham gia vào cấu tạo câu sử dụng trong giao tiếp. Nhu cầu giao tiếp tăng lên thúc đẩy hoạt động giao tiếp ngôn ngữ; kết quả là các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ được hình thành.

## **D. Câu hỏi, hướng dẫn học tập, thảo luận**

### **I. Câu hỏi**

1. Phân tích bản chất của ngôn ngữ?
2. Ngôn ngữ và lời nói có điểm gì chung và riêng?
3. Có những dạng hoạt động lời nói nào?
4. Ngôn ngữ trẻ em là gì?

5. Phân tích các quan điểm về sự phát triển ngôn ngữ trẻ em và rút ra kết luận sự phạm cần thiết ?

## **II. Hướng dẫn học tập**

1. Cần làm rõ bản chất ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt và là một hệ thống tín hiệu đặc biệt. Từ đó nhận ra được vai trò và sức mạnh của ngôn ngữ trong đời sống xã hội, đối với sự phát triển của mỗi cá nhân và cả cộng đồng. Vai trò và ý nghĩa của ngôn ngữ được thể hiện rõ hơn ở chức năng của ngôn ngữ: công cụ giao tiếp, phát triển tư duy, nhận thức, công cụ thông tin. Đặc biệt chú ý vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức của con người, từ đó phân tích được vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển trẻ em.

2. Về bản chất, chức năng thì ngôn ngữ và lời nói không có gì khác. Sự khác biệt giữa ngôn ngữ và lời nói mang tính qui luật biện chứng và giữa chúng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Trong khi ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu, có tính qui ước chung, là tài sản chung của một cộng đồng quốc gia, dân tộc thì lời nói lại là sản phẩm cá nhân, mang màu sắc cá nhân. Lời nói là việc sử dụng ngôn ngữ của mỗi cá nhân vào trong giao tiếp. Quan hệ giữa lời nói và ngôn ngữ là quan hệ giữa cái chung và cái riêng, cả hai dựa vào nhau mà phát triển.

3. Cần phân biệt được các loại hoạt động lời nói theo từng cặp: lời nói miệng và lời nói viết, lời nói bên trong và lời nói bên ngoài, lời nói độc thoại và lời nói đối thoại, cần thấy được đặc trưng của mỗi loại, những điểm mạnh, điểm yếu của chúng đối với hoạt động giao tiếp của con người.

4. Phân tích được khái niệm về ngôn ngữ trẻ em: Về mặt cấu trúc là sự hợp thành của các thành tố ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng. Về mặt chức năng, ngôn ngữ trẻ em thể hiện trong tính tích hợp của đơn vị giao tiếp là ngôn bản. Ngôn ngữ trẻ em còn được phân cấp 3 trình độ sử dụng ngôn ngữ: dùng lời nói, dùng lời nói có nhận thức và bày tỏ bằng lời nói có nhận thức. Ngoài ra, nội hàm khái niệm ngôn ngữ trẻ em còn bao hàm cả khả năng tiền đọc viết của trẻ. Từ đó, hiểu được phát triển ngôn ngữ trẻ em là phát triển khả năng giao tiếp ngôn ngữ với sự phát triển đồng đều của các thành tố ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng, phát triển khả năng đọc viết phù hợp với độ tuổi của trẻ.

5. Phân biệt được 2 giai đoạn: tiền ngôn ngữ và ngôn ngữ chính thức. Giai đoạn tiền ngôn ngữ diễn ra vào năm đầu tiên, có thể coi đây là thời kỳ chuẩn bị cho sự ra đời của ngôn ngữ. Trẻ giao tiếp bằng cảm xúc, cử chỉ, điệu bộ. Trong thời gian này hình thành các tiền đề về nhận thức như khả năng nghe, nhìn, vận động... Bộ máy phát âm hình thành, giai đoạn ngôn ngữ chính thức bắt đầu sau 12 tháng, những từ ngữ đầu tiên xuất hiện, ngôn ngữ có mặt trong giao tiếp của trẻ và nhanh chóng phát triển.

## **III. Thảo luận**

1. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức.
2. Sự phát triển ngôn ngữ trẻ em.

## **Chương 2: PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TUỔI MẦM NON LÀ MỘT KHOA HỌC (4 tiết)**

### **A. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức**

- Sinh viên nắm vững sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của khoa học phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non.
- Hiểu được đối tượng nghiên cứu của môn học.
- Nắm vững các phương pháp nghiên cứu.

#### **2. Kỹ năng**

- Vận dụng các phương pháp nghiên cứu trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
- Nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung bài học.
- Tìm hiểu, liên hệ với thực tiễn giáo dục ở các trường mầm non.
- Vận dụng kiến thức vào quá trình thực hành tại các trường mầm non.

#### **3. Thái độ**

- Sinh viên tích cực tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của khoa học phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non, đối tượng và các phương pháp nghiên cứu.
- Tích cực học tập có thái độ nghiêm túc, tự giác, ham học hỏi và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của môn học.

### **B. Chuẩn bị**

#### **1. Giảng viên**

##### **Tài liệu chính**

[1] Đinh Hồng Thái(2013), *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

##### **Tài liệu tham khảo**

[2] Lê Thu Hương (2007), *Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp*, Nxb giáo dục, Hà Nội.

[3] Nguyễn Xuân Khoa (2004), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

[4] Đinh Hồng Thái (2006), *Giáo trình phương pháp phát triển lời nói trẻ em*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội .

[5] Đinh Hồng Thái- Trần Thị Mai (2011), *Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## 2. Người học

- Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
- Bút, vở.
- Đọc trước chương 2 (tài liệu chính).

## C. Nội dung

### I. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của khoa học phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non

#### 1. Các giai đoạn phát triển

Có thể chia ba giai đoạn như sau:

\* Giai đoạn 1 (từ năm 1945 đến năm 1960): Số người nghiên cứu và các công trình nghiên cứu tiếng Việt còn ít, chủ yếu tiếng Việt được dạy thông qua bộ môn văn học.

\* Giai đoạn 2 (vào khoảng những năm 70 - 80 của thế kỉ XX): thời gian này các thành tựu nghiên cứu về tiếng Việt đã khá phong phú. Việc giảng dạy ngôn ngữ và tiếng Việt ở hệ thống các trường đại học, cao đẳng sư phạm và một số trường đại học tổng hợp... đã được nâng cao chất lượng.

\* Giai đoạn 3 (từ năm 1980 đến nay): Yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt ngày một cao đòi hỏi chuyên ngành phương pháp dạy học Tiếng Việt ra đời ra đời.

- Năm 1982, đánh dấu một bước phát triển của việc dạy tiếng Việt ở trường học. Hội nghị khoa học về dạy tiếng Việt trong nhà trường tại trường ĐHSP Hà Nội đã đặt vấn đề xây dựng chuyên ngành pháp dạy học Tiếng Việt thành một khoa học độc lập.

- Từ năm 1983, Bộ giáo dục quyết định đưa phương pháp dạy học Tiếng Việt vào chương trình đào tạo của khoa Ngữ văn các trường sư phạm. Các khoa Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non ngay từ khi thành lập đã có trong chương trình đào tạo môn học phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN.

**2. Ngày nay càng** có nhiều người nghiên cứu về phát triển lời nói trẻ em. Nhìn chung, những công trình nghiên cứu trên dựa vào đặc điểm phát triển của trẻ em Việt Nam, đưa ra các phương pháp, biện pháp cụ thể, phù hợp nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Đó là những đóng góp quan trọng trên cả hai phương diện lí luận và thực tiễn thúc đẩy sự phát triển của chuyên ngành phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non ở nước ta.

## II. Đối tượng nghiên cứu

**1. Một khoa học muốn khẳng định mình với tư cách một ngành khoa học độc lập nhất thiết xác định cho mình đối tượng nghiên cứu riêng biệt.** Đối tượng nghiên cứu của phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non là quá trình dạy ngôn ngữ cho trẻ từ sơ sinh đến 6 tuổi. Nó bao gồm:

- Mục đích dạy học: Phát triển hoạt động ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

- Nhiệm vụ cơ bản: Rèn luyện phát âm, phát triển vốn từ, dạy nói các mẫu câu tiếng Việt, phát triển lời nói mạch lạc, chuẩn bị cho trẻ học chữ (đọc, viết) ở trường phổ thông.

- Phương pháp, biện pháp: Các phương pháp, biện pháp dạy học phù hợp với lứa tuổi mầm non được vận dụng cụ thể vào công việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

- Hình thức dạy học.

- Các điều kiện, phương tiện dạy học.

**2. Phương pháp dạy lời nói cho trẻ được xây dựng trên cơ sở những căn cứ khoa học, cơ sở lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non:** Các nhà nghiên cứu phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi mầm non dựa vào các thành tựu tâm lý học, giáo dục học trẻ em,... xây dựng nội dung, yêu cầu, tìm ra các phương pháp, biện pháp phù hợp với trẻ từng độ tuổi để dạy trẻ học nói một cách có hiệu quả.

**3. Mối quan hệ của phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non với các khoa học khác :**

- Với Ngôn ngữ học: Đó là những kiến thức cơ bản của ngôn ngữ tiếng Việt, được trình bày thành một hệ thống. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ bao gồm phát triển đầy đủ cả phát âm đúng, phát triển vốn từ, khả năng nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc, phát triển ngôn ngữ nghệ thuật. Kiến thức về ngôn ngữ học sẽ là những kiến thức cơ sở giúp cho các nhà giáo dục hiểu đúng nhiệm vụ, nội dung, tìm ra các phương pháp, biện pháp hữu hiệu để phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

- Với tâm lý học: theo Leonchiev, hoạt động lời nói có thể chia làm ba thành phần:

+ Năng lực ngôn ngữ: bao gồm toàn bộ các điều kiện tâm sinh lý bao đảm cho thành viên của một cộng đồng ngôn ngữ có thể sản sinh và lĩnh hội lời nói.

+ Quá trình ngôn ngữ là quá trình hiện thực hóa các năng lực ngôn ngữ trong những điều kiện xã hội, kinh tế, văn hóa nhất định nhằm hiện thực hóa năng lực ngôn ngữ và quá trình giao tiếp.

+ Chuẩn mực ngôn ngữ (tương ứng với khái niệm ngôn ngữ của F.Đờ Xootxuya tương ứng trực tiếp với hệ thống ngôn ngữ.

- Với giáo dục học: Phương pháp phát triển ngôn ngữ có liên quan chặt chẽ với giáo dục học mầm non. Đó là mối quan hệ của cái chung và cái riêng. Giáo dục học mầm non nghiên cứu những vấn đề chung nhất của giáo dục mầm non như: mục đích, nội dung, nhiệm vụ, các hình thức, phương pháp dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục ở tuổi mầm non.

- Với sinh lý học: Ngôn ngữ có cơ sở sinh lý học. Bộ máy phát âm của người là cơ quan sản sinh ra âm thanh ngôn ngữ; các hoạt động tư duy của người là sản phẩm hoạt động của não bộ. Như vậy, hoạt động lời nói có cơ sở sinh lý học. Nắm vững các kiến thức giải phẫu sinh lý học cũng góp phần cho giáo viên mầm non nâng cao hiệu quả giáo dục tiếng mẹ đẻ cho trẻ.

### **III. Phương pháp nghiên cứu**

#### ***1. Phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu lý luận***

Trong nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN nói riêng, người nghiên cứu cần phải tiến hành đọc các tài liệu; sách vở, tạp chí, các bài báo khoa học, các công trình nghiên cứu... nhằm phân tích và tổng hợp các thông tin có liên quan để xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

Phương pháp nghiên cứu này được tiến hành với những công việc sau:



- Lập thư mục: thống kê các sách báo, những công trình có liên quan đến đề tài nghiên cứu bao gồm các văn kiện của Đảng và Nhà nước, của ngành giáo dục về giáo dục mầm non nói chung và phát triển ngôn ngữ trẻ em nói riêng; các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài; các luận văn, luận án...

- Đọc và ghi chép theo các vấn đề: sau khi phân loại tài liệu để biết tài liệu nào cần đọc kỹ, tài liệu nào cần đọc lướt để nắm bắt được các nội dung cơ bản có liên quan đến đề tài nghiên cứu, tiến hành đọc và ghi chép theo kế hoạch. Phân tích, đánh giá các tài liệu thu được.

- Hệ thống hóa, khái quát thành cơ sở lí luận của vấn đề nghiên cứu.

## **2. Phương pháp quan sát sư phạm**

Phương pháp quan sát sư phạm là phương pháp sử dụng có mục đích, có kế hoạch các giác quan, các phương tiện kĩ thuật để ghi nhận, thu thập những biểu hiện của các hiện tượng, quá trình giáo dục. Phương pháp này dùng để thu thập số liệu, nghiên cứu thực tiễn và là bước đầu tiên cho các nghiên cứu khoa học.

Khi tiến hành quan sát phải bảo đảm một số yêu cầu sau:

- Đảm bảo tính tự nhiên, không làm ảnh hưởng đến giáo viên và trẻ để giữ cho sự phản ánh được khách quan.

- Đảm bảo tính mục đích: tức là phải xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ quan sát, đưa ra các tiêu chí đo, xây dựng kế hoạch, chương trình quan sát.

- Cần có biên bản ghi chép các tài liệu của quá trình quan sát

## **3. Phương pháp điều tra giáo dục**

Phương pháp này có nguồn gốc từ xã hội học, được vận dụng vào khoa học giáo dục mầm non và nhiều khoa học khác. Nó gồm các tiểu loại như: điều tra bằng anket, điều tra bằng trò chuyện, điều tra bằng phỏng vấn, tọa đàm và điều tra bằng trắc nghiệm (test)

## **4. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm sư phạm**

Người nghiên cứu sử dụng một hệ thống câu hỏi để thu thập thông tin về đối tượng điều tra như: các cán bộ quản lí giáo dục, các giáo viên, phụ huynh, những người có quan tâm đến vấn đề nghiên cứu.

Điều tra bằng anket được tiến hành theo các bước sau:

- Lập bảng hỏi: các câu hỏi phải đảm bảo các yêu cầu:

+ Câu hỏi phải có cách hiểu đơn trị (một cách hiểu).

+ Câu hỏi phải phù hợp với trình độ người được hỏi, không được dùng các thuật ngữ quá khó, ít người biết đến.

+ Không có nội dung đánh giá trực tiếp người được hỏi.

+ Các phương án trả lời đúng phải được dựa trên một cơ sở thống nhất; các phương án trả lời phải rõ ràng, tránh sự trùng lặp.

+ Các phương án trả lời phải đầy đủ

+ Nên nêu ra đầu tiên các câu hỏi mang tính tiếp xúc, tâm lí nhằm nêu mục đích, ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, tạo cho người được hỏi có tâm thế thoải mái, dễ chịu để sẵn sàng đối thoại.

+ Có ba loại câu hỏi: câu hỏi đóng là các câu hỏi có sẵn các phương án trả lời và người được hỏi chỉ việc lựa chọn phương án mình cho là đúng. Câu hỏi mở

là câu hỏi người được hỏi được trả lời hoàn toàn theo ý mình. Loại thứ ba kết hợp cả hai loại trên.

- Điều tra: chọn địa điểm, đối tượng và số lượng điều tra đảm bảo nguyên tắc đại diện mẫu trong thống kê.

- Xử lý kết quả nghiên cứu bằng thống kê toàn học.

Phương pháp điều tra bằng anket có ưu điểm là có khả năng thu thập được một khối lượng lớn tài liệu trong một thời gian ngắn mà không đòi hỏi một lực lượng nghiên cứu đông với các phương tiện phức tạp; độ tin cậy của các thông tin lại khá cao. Nhược điểm của nó là người bị hỏi có thể không nói thật làm cho thông tin mất chính xác.

Phương pháp này dùng với mục đích thăm dò, phát hiện, định hướng trong quá trình nghiên cứu.

### **5. Phương pháp thực nghiệm sư phạm.**

Phương pháp thực nghiệm sư phạm là phương pháp đặc thù của nghiên cứu khoa học giáo dục, là việc chủ động gây ra các hiện tượng nghiên cứu trong những điều kiện được khống chế nhằm xác định mối quan hệ nhân quả giữa từng nhân tố tác động.

Các bước tiến hành thực nghiệm được tiến hành như sau:

- Xây dựng giả thuyết thực nghiệm.

- Dự kiến hệ thống chuẩn đánh giá, xác định phương tiện và phương thức đánh giá nhằm so sánh sự biến đổi kết quả trước và sau thực nghiệm sư phạm.

- Lựa chọn đối tượng thực nghiệm theo những yêu cầu nhất định để những kết luận rút ra sau thực nghiệm có thể vận dụng trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục ở phạm vi rộng lớn, bảo đảm tính phù hợp và có thể sai số nhỏ.

- + Đảm bảo tính đại diện tiêu biểu.

- + Khống chế tác động không thực nghiệm, nên chọn nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trong một lớp học.

- + Khống chế ảnh hưởng của trình tự các tác động sư phạm.

- Các biên bản thực nghiệm phải được ghi chép cẩn thận, đúng quy cách, tỉ mỉ, chính xác, có lượng thông tin phong phú và giá trị.

- Để đảm bảo tính phổ biến của kết quả thực nghiệm, phải chú ý chọn đối tượng đa dạng, tiêu biểu để nghiên cứu, cần tiến hành ở nhiều địa bàn, trên các đối tượng khác nhau, tiến hành thực nghiệm lặp lại nhiều lần cùng một đối tượng ở các thời điểm khác nhau.

Thực nghiệm sư phạm cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Các nhóm thực nghiệm phải như nhau về lứa tuổi, trình độ phát triển, về giới tính và các mặt khác.

- Cần thực nghiệm trên số lượng nghiệm thể đủ lớn để cho độ tin cậy cao; khi tính toán, xử lý số liệu phải sử dụng thống kê toán học.

- Tránh nghiên cứu đồng thời một số mặt gây ảnh hưởng xấu lẫn nhau. hạn chế kết quả nghiên cứu.

- Để kết quả nghiên cứu khách quan, cần xác định, kiểm tra trình độ ban đầu của các nhóm. Cuối thực nghiệm đánh giá và ghi kết quả cuối cùng.

### **6. Phương pháp thống kê toán học**

Phương pháp thống kê toán học có đối tượng nghiên cứu là việc thu thập, đúc kết các số liệu quan sát, thực nghiệm, phân tích và rút ra kết luận có độ tin cậy cao.

Phương pháp này giúp ta đánh giá chất lượng giáo dục, so sánh hiệu quả của các phương pháp giáo dục khác nhau, phân tích các mối quan hệ giữa các hiện tượng giáo dục, tác động của các nhân tố đối với các hiện tượng giáo dục, loại bỏ các yếu tố ngẫu nhiên, làm sáng tỏ các quy luật của các hiện tượng giáo dục.

Một số điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

- Nhà nghiên cứu xuất phát từ mục đích nghiên cứu để xử lý và phân tích số liệu thu được, sau đó biểu thị nội dung cơ bản của nó bằng một số chỉ số, vạch rõ mối liên hệ giữa các chỉ số đó.

- Sử dụng các công thức tính toán khác nhau.

- Từ sự khái quát các hiệu tượng giống nhau rút ra các kết luận có ý nghĩa.

- Sử dụng các công thức toán học để xử lý kết quả nghiên cứu cho phép xác định độ tin cậy của những kết luận khoa học, có thể phổ biến chúng trong các trường hợp tương tự.

## **D. Câu hỏi, hướng dẫn học tập, thảo luận**

### **I. Câu hỏi**

1. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em với tư cách là một khoa học đã hình thành và phát triển như thế nào?

2. Đối tượng nghiên cứu của khoa học phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em là gì? Nó có quan hệ như thế nào với các khoa học khác?

3. Phân tích vai trò của phương pháp nghiên cứu lý luận trong các nghiên cứu phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em.

4. Phân tích cách sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn trong nghiên cứu phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em.

### **II. Hướng dẫn học tập**

1. Cần nắm được các giai đoạn phát triển của khoa học phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em. Hiểu được sự xuất hiện của phương pháp dạy học Tiếng Việt với tư cách là một khoa học, là một tất yếu đáp ứng nhu cầu của thực tiễn giáo dục.

2. Đối tượng nghiên cứu của khoa học phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non là quá trình dạy học tiếng mẹ đẻ ở trường MN. Nó được qui định bởi các nhiệm vụ, phương pháp, hình thức dạy học đặc trưng phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ MN. Cần nắm được khái quát các nhiệm vụ, hình thức và phương pháp dạy học đó.

3. Hiểu được các phương pháp nghiên cứu lý luận là phương pháp đọc, phân tích và tổng hợp các tài liệu khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Nó có vai trò quan trọng trong việc giúp cho người nghiên cứu xác định chính xác đề tài nghiên cứu và đặt cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài nghiên cứu.

4. Phân tích được cách sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn bao gồm: quan sát, điều tra, thực nghiệm sư phạm... Trong đó thực nghiệm sư phạm là phương pháp nghiên cứu quan trọng nhất, được sử dụng phổ biến và hiệu quả nhất trong các công trình nghiên cứu phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN.

### **III. Thảo luận**

#### 1. Phương pháp nghiên cứu phát triển ngôn ngữ trẻ em.

### **Chương 3: NHIỆM VỤ, HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TUỔI MẦM NON (4 tiết)**

#### **A. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức**

- Sinh viên nắm vững nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

##### **2. Kỹ năng**

- Vận dụng các phương pháp trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

- Nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung bài học.

- Tìm hiểu, liên hệ với thực tiễn giáo dục ở các trường mầm non.

- Vận dụng kiến thức vào quá trình thực hành tại các trường mầm non.

##### **3. Thái độ**

- Sinh viên hứng thú tìm hiểu nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

- Tích cực học tập có thái độ nghiêm túc, tự giác, ham học hỏi và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của môn học.

#### **B. Chuẩn bị**

##### **1. Giảng viên**

###### **Tài liệu chính**

[1] Đinh Hồng Thái(2013), *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

###### **Tài liệu tham khảo**

[2] Lê Thu Hương (2007), *Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp*, Nxb giáo dục, Hà Nội.

[3] Nguyễn Xuân Khoa (2004), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

[4] Đinh Hồng Thái (2006), *Giáo trình phương pháp phát triển lời nói trẻ em*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội .